

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 - 2024

QUẢNG NINH NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	GHI CHÚ
1	Trần Thị Ánh Tuyết	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Trần Thị Phương Thảo	Phó hiệu trưởng	Phó CT	
3	Nguyễn Thị Tươi	Giáo viên	Thư ký	
4	Vũ Thị Hải Yến	Tổ trưởng tổ CM	Thành viên	
5	Từ Thị Hiền	Tổ trưởng CM	Thành viên	
6	Nguyễn Thu Hòa	Tổ trưởng CM	Thành viên	
7	Nguyễn Hoàng Thuỷ	Tổ trưởng CM	Thành viên	
8	Vũ Thị Bích Ngọc	Tổ trưởng CM	Thành viên	
9	Bùi Thị Dịu	Giáo viên	Thành viên	
10	Trần Minh Đông	Giáo viên	Thành viên	
11	Vũ Hằng Hải	Giáo viên	Thành viên	
12	Nguyễn Thu Hòa	Giáo viên	Thành viên	
13	Vũ Thị Thúy Loan	Giáo viên	Thành viên	
14	Vũ Thị Diệp	Nhân viên	Thành viên	

QUẢNG NINH NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1	
Tiêu chí 1.2	
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1	
Tiêu chí 2.2	
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt				
	Đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Điểm
Nhóm tiêu chí: CDS trong dạy và học					
Tiêu chí 1.1	x				
Tiêu chí 1.2	x				
Tiêu chí 1.3		x	x		19
Tiêu chí 1.4		x	x	x	8
Tiêu chí 1.5		x	x	x	17
Tiêu chí 1.6		x	x	x	20
Tiêu chí 1.7		x	x	x	17
TỔNG ĐIỂM					81
Nhóm tiêu chí: CDS trong quản trị cơ sở giáo dục					
Tiêu chí 2.1	x				
Tiêu chí 2.2	x				
Tiêu chí 2.3		x	x	x	70
Tiêu chí 2.4		x	x	x	24
TỔNG ĐIỂM					94

Kết quả: Đạt Mức độ 3

2. Kết luận: Đạt Mức độ 3

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THCS Mạo Khê II

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Quảng Ninh	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Thị Ánh Tuyết
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Đông Triều	Điện thoại	02033.871310
Xã / phường/thị trấn	Mạo Khê	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	thcsmaokhe2.dongtrieu.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường	
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Năm học 2023-2024:

- Số học sinh nhà trường:

Khối	Số học sinh	Ghi chú
Khối 6	404	
Khối 7	345	
Khối 8	316	

Khối 9	325	
Cộng	1390	

- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	2	0	
Giáo viên	59	53	0	0	53	6	
Nhân viên	3	3	0	0	3	0	
Cộng	65	59	0	0	59	6	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ CNTT	Ghi chú
1	Trần Thị Ánh Tuyết	Hiệu trưởng		
2	Trần Thị Phương Thảo	Phó hiệu trưởng	CĐ Tin học	
3	Nguyễn Thị Tươi	Giáo viên	ĐH Tin học	
4	Vũ Thị Hải Yến	Tổ trưởng tổ CM	CĐ Tin học	
5	Từ Thị Hiền	Tổ trưởng CM		
6	Nguyễn Thu Hòa	Tổ trưởng CM	CĐ Tin học	
7	Nguyễn Hoàng Thủy	Tổ trưởng CM		
8	Vũ Thị Bích Ngọc	Tổ trưởng CM		
9	Bùi Thị Dịu	Giáo viên		
10	Trần Minh Đông	Giáo viên	CĐ Tin học	
11	Vũ Hằng Hải	Giáo viên	ĐH Tin học	
12	Nguyễn Thu Hòa	Giáo viên	ĐH Tin học	
13	Vũ Thị Thúy Loan	Giáo viên		
14	Vũ Thị Diệp	Nhân viên		

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

* Phòng học thông minh được đầu tư của dự án: 15 phòng, trong đó:

+ 05 phòng học được lắp các thiết bị của “Phòng học thông minh” cấp độ 1 do dự án của Sở GD&ĐT đầu tư tháng 12/2019: mỗi phòng gồm có:

STT	Mô tả thiết bị và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số
-----	-------------------------------------	-------------	----

			lượng/phòng
1.	Màn hình tương tác kèm theo phần mềm cho GV	Chiếc	01
2.	Máy tính xách tay cho GV	Chiếc	01
3.	Máy tính xách tay cho HS	Chiếc	40
4.	Tủ sạc Laptop	Chiếc	01
5.	Camera giám sát trong nhà	Chiếc	01
6.	Camera web conference	Chiếc	01
7.	Hệ thống âm thanh: Loa tích hợp âm ly, micro không dây, micro cài áo	Chiếc	01
8.	Tai nghe cho học sinh	Chiếc	40
9.	Phần mềm quản lý phòng học: - Module quản lý cài máy GV - Module quản lý cài máy HS	Chiếc	01 40

+ 10 phòng học được lắp các thiết bị của “Phòng học thông minh” cấp độ 2 do dự án của Sở GD&ĐT đầu tư tháng 12/2019

STT	Mô tả thiết bị và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/phòng
I	Bộ thiết bị phòng học thông minh		
1	Màn hình tương tác kèm theo phần mềm cho GV	Chiếc	1
2	Bảng trượt gắn tường kèm giá treo	Chiếc	1
3	Máy tính xách tay cho GV	Chiếc	1
4	Camera giám sát trong nhà	Chiếc	1
5	Camera web conference (Cổng USB dành cho GV)	Chiếc	1
6	Hệ thống âm thanh: Loa tích hợp âm ly, micro không dây, micro cài áo	Chiếc	1
7	Tủ đựng thiết bị	Chiếc	1

+ 08 phòng học được lắp đặt bục giảng thông minh và các thiết bị của “Phòng học thông minh” do nhà trường đầu tư từ năm học 2014-2015.

Khối phòng chức năng:

* *Phòng học ngoại ngữ: 02 phòng*

- *01 phòng được đầu tư từ năm 2016: gồm các thiết bị:*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhu cầu
1	Máy chiếu siêu gần tích hợp tương tác	01	01

	Optoma		
2	Máy tính xách tay Lenovo thinkpad	01	01
3	Thiết bị điều khiển của giáo viên	1	1
4	Thiết bị điều khiển của học viên	40	40
5	Máy chiếu vật thể nhận diện hình ảnh Earzone	01	01
6	Thiết bị âm thanh di động Pleasing	01	01
7	Phần mềm điều khiển tích hợp	01	01

- 01 phòng đầu tư tháng 12/2019, gồm các thiết bị:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhu cầu
1	Máy chiếu siêu gần tích hợp tương tác Optoma	01	01
2	Hệ thống bảng trượt	01	01
3	Máy tính xách tay Dell	01	01
4	Máy chiếu vật thể nhận diện hình ảnh	01	01
5	Thiết bị âm thanh di động Pleasing	01	01
6	Phần mềm SGK tiếng anh	01	01
7	Phần mềm bài giảng điện tử (từ lớp 3- 12: gồm 6000 bài	01	01

* Phòng Tin học: 02 phòng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cơ bản như bàn ghế, máy tính, máy chiếu, mạng Internet, mạng LAN... Mỗi phòng có 51 máy tính, (đủ 01 máy/HS) đảm bảo để phục vụ tốt nhất cho việc học của học sinh.

Mỗi phòng gồm:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhu cầu
1	Máy tính cố định	51	51
2	Ti vi	1	1
3	Bàn máy tính	25	25
4	Bàn giáo viên	1	1
5	Ghế	46	46
6	Điều hòa	3	3
7	Quạt trần	4	4
8	Bảng	1	1

4. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Mạo Khê II đóng trên địa bàn phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Phường Mạo Khê với dân số năm 2019 là 36.462 người. Trường THCS Mạo Khê II nằm tại trung tâm phường Mạo Khê thuộc khu Hoàng Hoa Thám, được phép tuyển sinh tại 7 khu hành chính: Vĩnh Tuy 1, Vĩnh Tuy 2, Phố 1, Hoàng Hoa Thám, Vĩnh Thông, Vĩnh Xuân, Vĩnh Hải. Do đời sống nhân dân trong vùng khá ổn định, nên phần lớn học sinh của nhà trường có nhiều điều kiện thuận lợi, gia đình học sinh kinh tế khá; cha mẹ luôn quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em.

+ Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền các cấp, của ngành GD&ĐT, các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường đã nỗ lực phấn đấu không ngừng trong dạy và học. Nhà trường đã phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, tăng cường kỷ cương, nề nếp, chủ động phối hợp với các lực lượng xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và giảng dạy. Chất lượng giáo dục hàng năm có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt từ 99,5% trở lên, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 100%, chất lượng mũi nhọn tương đối ổn định, luôn đứng trong top đầu các trường THCS toàn thị xã.

+ Đội ngũ quản lý, giáo viên của nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, say sưa, tâm huyết với nghề và trách nhiệm với học trò, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và xây dựng thương hiệu nhà trường gắn liền với chất lượng giáo dục. Tỷ lệ đạt trình độ chuẩn 100%, số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp hàng năm trên 80%, nhiều giáo viên được công nhận là chiến sĩ thi đua, được tặng thưởng giấy khen, bằng khen của các cấp.

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó xác định Giáo dục là một trong 8 lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trước tiên. Việc chuyển đổi số trong giáo dục thành công sẽ giúp thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, tiết kiệm chi phí, góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng Xã hội số. Có hai nội dung chính cần tập trung trong việc chuyển đổi số, đó là: Chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá.

Năm học 2023-2024, năm học mà ngành giáo dục xác định tập trung đầu

tư, tạo điều kiện cho “ba trụ cột”: Chuyển đổi số - Đội ngũ giáo viên - dạy học Ngoại ngữ để toàn ngành phát triển và hội nhập. Với một trong ba nội dung, lĩnh vực Chuyển đổi số tiếp tục được đặt lên hàng đầu. Nối tiếp những thành tựu đã đạt được, xác định chuyển đổi số trong trường THCS sẽ hỗ trợ đổi mới GD&ĐT theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập cho học sinh mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Sự bùng nổ của nền tảng số đang hình thành nên hạ tầng giáo dục số.

Trường THCS Mạo Khê II luôn xác định xác định chuyển đổi số trong trường THCS sẽ hỗ trợ đổi mới GD&ĐT theo hướng phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập cho học sinh mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Sự bùng nổ của nền tảng số đang hình thành nên hạ tầng giáo dục số. Theo đó, nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng CNTT; hỗ trợ đặc lực việc cá nhân hóa học tập (mỗi học sinh một giáo trình và một phương pháp học tập riêng không giống với người khác, việc này do các hệ thống CNTT thực hiện tự động); làm cho việc truy cập kho kiến thức không lờ trên môi trường mạng được nhanh chóng, dễ dàng; giúp việc tương tác giữa gia đình, nhà trường, giáo viên, học sinh gần như thường xuyên và tức thời.

2. Mục đích TĐG

Đánh giá khách quan, thực chất kết quả chuyển đổi số trong nhà trường; Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 02 nhóm tiêu chí, các tiêu chí theo quy định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường. Các minh chứng được thu thập và sắp xếp theo từng mã minh chứng khoa học.

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chuyển đổi số trường THCS theo QĐ số 4725/QĐ-BGD. Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Quá trình tự đánh giá là một cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua; thấy rõ được sự trưởng thành và phát triển, để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên

trong trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại. Thực hiện tự đánh giá công tác chuyển đổi số trong nhà trường đã góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã đề ra.

** Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị:*

- Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến và Quy chế dạy học trực tuyến, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, triển khai, bám sát hỗ trợ, hướng dẫn các thành viên trong trường thực hiện tốt các nội dung thực hiện nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số trong năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn, các nhóm công tác triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số từ ngày 3/5/2024 đến 30/05/2024.

- Hiệu trưởng chủ trì, chỉ đạo buổi tự đánh giá Mức độ chuyển đổi số trên cơ sở các tiêu chí và minh chứng đã thu thập từ các cá nhân và tổ, bộ phận. (có biên bản tự đánh giá).

- Từ ngày 27 đến 30/05/2024 nhà trường công khai kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số lên Zalo trường, website nhà trường.

- Từ ngày 29 đến 31/05/2024 hoàn thiện hồ sơ đánh giá mức độ chuyển đổi số, lập từ trình đề nghị cấp trên thực hiện đánh giá ngoài.

** Quy trình tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số, lưu hồ sơ, minh chứng của đơn vị:*

Ban giám hiệu Nhà trường dựa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện của cấp trên, đồng thời ra QĐ số 191/QĐ- THCSMKII ngày 3/5/2024 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số gồm 16 đồng chí, xây dựng Kế hoạch số 192/KH- THCSMKII ngày 3/5/2024 để triển khai thực hiện việc đánh giá, mức độ chuyển đổi số của trường tới 100% CB, GV, NV toàn trường.

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, lưu hồ sơ và các minh chứng của các cá nhân và nhà trường theo đúng quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: nhà trường triển khai hình thức dạy học trực tuyến ở tất cả các môn học với nội dung, tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến là 10%.

- Tham mưu cho phòng GD&ĐT Đông Triều, đồng thời huy động các nguồn

gia các kỳ thi – cuộc thi trực tuyến: các lớp học được hiện đại hóa với 15 phòng học thông minh do dự án UDCNTT của UBND tỉnh trang cấp, các phòng học phòng học bộ môn khác có trang bị đầy đủ: máy chiếu projector, máy chiếu vật thể, tivi thông minh, có khả năng kết nối máy tính; Internet và wifi phủ sóng toàn trường với 15 trạm phát tại lớp học, 10 trạm phát tại các khu vực làm việc khác nhằm phát huy tối đa sự sáng tạo trong mỗi giờ dạy chính khóa cũng như các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trực tuyến của giáo viên và học sinh.

100% học sinh, 100% giáo viên nhà trường có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Trên 95% hồ sơ nhà trường được số hóa trên edoc (Sổ đăng bộ điện tử, sổ gọi tên và ghi điểm, sổ điểm cá nhân, sổ liên lạc, sổ báo giảng, học bạ, giáo án, thời khóa biểu...); số hóa và định danh dữ liệu của 100% CB, GV, NV và học sinh nhà trường trên nền tảng Vnedu và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức.

- 100% giáo viên sử dụng cơ bản thành thạo các nền tảng dạy- học- thi trực tuyến (zoom, google meet, shub classroom, Lạc Việt,..), 100% học sinh nhà trường được tham gia học - thi trực tuyến theo tỉ lệ. Trên 80% giáo viên nhà trường có khả năng soạn giảng e-learning một cách thành thạo.

Tiêu chí 1.1: Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp, ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm).

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2023-2024, nhà trường xây dựng Kế hoạch số 304/KH-THCSMKII ngày 18/11/2023 về tổ chức dạy học trực tuyến áp dụng theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với cơ sở giáo dục phổ thông. Phối hợp với phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng. Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học trong đó có ít nhất 5% số tiết của mỗi môn được dạy học trực tuyến. [H1.1-01]

Ban hành Quyết định số 220/KH-THCSMKII ngày 04/9/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024. Trong kế hoạch có nội dung dạy học trực tuyến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong GDĐT đáp ứng tình hình thực tiễn của nhà trường. [H1.1-02]

Xây dựng Kế hoạch số 297/KH-THCSMKII ngày 13/11/2023 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2023-2024. Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh

tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động dạy học trực tuyến. [H1.1-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng các Kế hoạch thực hiện tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024 đảm bảo các nội dung quy định của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Phòng GD&ĐT thị xã. Thực hiện kế hoạch với nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nhà trường. 100% giáo viên nắm vững các kỹ năng, tiến trình dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến. Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 của nhà trường có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến trong giảng dạy các bộ môn;

3. Điểm yếu

Đã thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, tuy nhiên tiết dạy trực tuyến còn ít, chưa đảm bảo 5% số tiết của mỗi môn được dạy học trực tuyến

Việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến năm học 2023-2024 còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Kinh Phí
Xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến có các giải pháp hữu hiệu hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.	Năm học 2024-2025	Ban lãnh đạo nhà trường	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác tham mưu góp ý bổ sung để xây dựng vào bản kế hoạch mang tính khả thi cao.	Không
Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến các môn hoạt, HĐGD cần phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện, đặc trưng của nhà trường.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường Cần có sự phối hợp, tham gia, tạo điều kiện của CMHS	Không
Tổ chức lưu trữ minh chứng về tổ	Năm học 2024-2025	Ban CNTT	GV cung cấp hình ảnh tổ chức dạy học, kiểm tra,	Không

chức dạy học trực tuyến khoa học hơn			đánh giá trực tuyến	
---	--	--	---------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.2: Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024

Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến hàng năm)

1. Mô tả hiện trạng

- Năm học 2023-2024, nhà trường đã ban hành Quyết định số 255/QĐ-THCSMKII ngày 10/10/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh trường THCS Mạo Khê II. **[H1.2.01]**

- Văn bản này quy định việc áp dụng hình thức dạy học trực tuyến (DHTT) đối với các chương trình dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 (lớp 6, lớp 7, lớp 8) và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (lớp 9). Việc thực hiện kế hoạch giáo dục trực tuyến nhằm mục tiêu hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp, giúp các nhà trường linh động trong tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị; góp phần nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

1.1. Cách thức triển khai dạy học trực tuyến

- Phần mềm ứng dụng dạy học: Zoom meeting (Mỗi lớp 01 tài khoản Zoom cố định dành cho cả giáo viên và học sinh). Giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các hoạt động tập huấn sử dụng phần mềm này do trường tổ chức và phải có trách nhiệm nghiên cứu, sử dụng hiệu quả các tính năng kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu DHTT.

- DHTT của Nhà trường thực hiện trên cơ sở biên chế các lớp như trong dạy học truyền thống thông qua phần mềm Zoom trên máy tính và thiết bị khác có kết nối Internet;

- Khuyến khích Giáo viên sử dụng đa dạng các ứng dụng hoặc dịch vụ của internet để tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, bao gồm: Dạy học thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS - Learning Management System) hoặc hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS - Learning Content Management System), có thể sử dụng các ứng dụng và phần mềm sau: Viettel Study, ứng dụng Smart Edu; lớp học trực tuyến F1School.vn; phần mềm Shub (Shubclassroom) hoặc phần mềm khác phù hợp với năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên. Trên cơ sở báo cáo Ban giám hiệu thống nhất triển khai thực hiện để đảm bảo thuận lợi nhất trong quá trình dạy học và tiếp nhận kiến thức cho giáo viên và học sinh.

- Bên cạnh việc dạy học trực tuyến, giáo viên xây dựng đề cương ôn tập,

nhận kiến thức cho giáo viên và học sinh.

- Bên cạnh việc dạy học trực tuyến, giáo viên xây dựng đề cương ôn tập, thiết kế các nội dung bài học theo chủ đề kiến thức, các dự án học tập, phiếu học tập chuyển đến học sinh bằng các hình thức: qua zalo nhóm lớp, facebook, email... để học sinh nghiên cứu bài, củng cố và mở rộng kiến thức dưới sự giám sát, kiểm tra, đánh giá của giáo viên bộ môn. Việc xây dựng đề cương, nội dung bài học phải theo Kế hoạch dạy học đã xây dựng và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt theo các bước: yêu cầu cần đạt; các nội dung chính học sinh cần nắm được; các bước, phương pháp, cách thức để tiếp nhận và vận dụng nội dung bài mới; câu hỏi bài tập để kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh...

- Lưu đầy đủ thông tin tham gia học của từng học sinh để có cơ sở đánh giá; Tổ chức quản lý quá trình học tập của học sinh, giám sát hoạt động học của học sinh trên hệ thống theo cấu trúc quản lý nhà trường (lớp/khối/môn).

1.2. Môn học và thời gian quy định dạy học trực tuyến

- Môn học được lựa chọn DHTT phải được thiết kế phù hợp với phương thức tổ chức giảng dạy trực tuyến và điều kiện cụ thể của trường, đảm bảo các yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đáp ứng các mục tiêu giáo dục bộ môn;

- Thời gian học trực tuyến: do giáo viên thống nhất thông báo cho học sinh thời lượng theo chủ đề, theo từng tiết hoặc các nội dung học tập bổ trợ cho học sinh. Các tổ bộ môn thống nhất nội dung, thời gian, quy trình DHTT và công khai cho học sinh lớp mình dạy;

1.3. Tổ chức giảng dạy, theo dõi các môn học trực tuyến

- Trên cơ sở Kế hoạch, nội dung DHTT của Tổ chuyên môn đã được Hiệu trưởng phê duyệt, nhà trường cấp tài khoản cố định của Giáo viên, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp,...

- Khi tổ chức DHTT, giáo viên có trách nhiệm điểm danh học sinh; chủ nhiệm lớp có trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Kết quả điểm danh của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm là cơ sở để làm điều kiện kiểm tra, thì hết môn học học phần theo quy định; kết quả kiểm tra, giám sát của chủ nhiệm lớp là cơ sở để xác nhận giờ giảng phục vụ công tác báo cáo.

1.4. Đánh giá và công nhận kết quả học tập và đánh giá của môn học dạy học trực tuyến

- Giáo viên phụ trách các môn học trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các bài kiểm tra trên hệ thống dạy học qua Internet (Giáo viên có thể linh hoạt lấy điểm kiểm tra thường xuyên của học sinh bằng nhiều hình thức: qua phiếu học tập hoặc qua các câu hỏi tương tác trực tuyến...). Giáo viên nhận bài làm của học sinh, đánh giá mức độ nhận thức của học sinh ở mỗi đơn vị kiến thức từ đó có kế hoạch bổ trợ phù hợp, đảm bảo học sinh nắm được kiến thức theo chuẩn cần đạt ở mỗi môn.

- Các môn học học sinh đã tham gia học theo hình thức tổ chức dạy học nêu trên sẽ được kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập lấy điểm kiểm tra thường xuyên và học tiếp chương trình theo tiến độ nếu đạt chuẩn yêu cầu. Riêng đối với các bài kiểm tra định kỳ, triển khai kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan theo mức độ chuyên cần, năng lực của học sinh và yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và mục tiêu của môn học.

2. Điểm mạnh

2.1. Về đội ngũ

- Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường hầu hết có tuổi nghề còn trẻ; có năng lực, đam mê với việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. 100% CBGV-NV đều có trình độ Tin học (trong đó có 03 giáo viên trình độ Đại học CNTT, 09 giáo viên có trình độ Cao đẳng, còn lại là chứng chỉ trình độ B).

2.2. Về học sinh

- Tổng số học sinh toàn trường 1387 em. 100% các em có kỹ năng thực hành máy tính. 100% học sinh và gia đình học sinh đảm bảo đầy đủ các phương tiện phục vụ cho học trực tuyến.

- Hàng năm, trong các kì thi, hội thi học sinh giỏi môn Tin học, KHKT, Sáng tạo TNNND, Tin học trẻ các cấp nhà trường đều có nhiều học sinh tham gia và đạt giải cao tại các cuộc thi.

2.3. Về cơ sở hạ tầng CNTT

- Nhà trường có 02 phòng học Tin học, mỗi phòng tin học có 41 máy tính trong đó 40 máy học sinh và 01 máy giáo viên. Đã lắp đặt hệ thống Internet cáp quang FTTH và đường truyền Internet ADSL đảm bảo kết nối thông suốt.

- Có 15 phòng học thông minh được trang cấp theo dự án “Xây dựng phòng học thông minh cho 66 trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn I”. Trong đó có 5 phòng học thông minh mức độ 1 với 200 máy tính xách tay học sinh, 15 máy tính xách tay giáo viên và các thiết bị thông minh khác.

2.4. Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 297/KH-THCSMKII ngày 13/11/2023 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2023-2024; ban hành Quyết định số 320/QĐ-THCSMKII ngày 15/9/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030; Quyết định số 207/QĐ-THCSMKII về việc thành lập Tổ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2023-2024, trong đó có phân công, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Ban chỉ đạo nhằm quản trị,

quản lý các hoạt động liên quan đến CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục trong đơn của nhà trường.

- Căn cứ Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024, nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều.

- Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến năm học 2023-2024 của nhà trường quy định rõ các nội dung:

- + Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- + Hình thức dạy học trực tuyến;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;
- + Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;
- + Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- + Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến;

3. Điểm yếu

Đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024, tuy nhiên còn một số nội dung quy định chưa cụ thể:

- Chưa có quy định rõ ràng các nguyên tắc; về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến;

- Chưa có quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên tham gia dạy học trực tuyến

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Kinh phí
Xây dựng và ban hành quy chế dạy học trực tuyến đảm bảo phân định rõ nguyên tắc tổ chức; các điều kiện về CSVN, TB theo các tiêu chí cụ thể	Năm học 2024-2025	Ban lãnh đạo nhà trường	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong công tác tham mưu góp ý bổ sung để xây dựng vào quy chế mang tính chặt chẽ, bao quát, phù hợp với từng đối tượng.	Không

Bổ sung quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên tham gia dạy học trực tuyến gắn với trách nhiệm trong quá trình thực hiện	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	Nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của các cấp; đề xuất, tham mưu với Hiệu trưởng nhà trường để đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của giáo viên và học sinh	Không
--	-------------------	-----------------	--	-------

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

Mức độ 1: dưới 10 điểm. Có triển khai hệ thống, chưa áp dụng cho toàn trường, các chức năng không đầy đủ hoặc ít khai thác. Dữ liệu sử dụng ít.

Mức độ 2: từ 10 -20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên.

Mức độ 3: trên 20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng đầy đủ. Dữ liệu sử dụng hệ thống ở mức khá trở lên.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2020, nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, tổ công nghệ thông tin nhà trường triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp như .. Microsoft Team, Goodle Meet, Zoom, Tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên sử dụng để tổ chức dạy học. Năm học 2023-2024, các giáo viên thường xuyên sử dụng để tổ chức các lớp học trực tuyến nhằm dạy bù cho học sinh trong các đợt nghỉ ngoại khóa, nghỉ lễ đảm bảo kịp tiến độ chương trình; tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh.... [H1.3-01]

Hệ thống LMS của nhà trường giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả học sinh tham dự trong cùng một không gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính), chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến đến học sinh; Giúp học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong cùng một không gian học tập [H1.3-02].

Giúp giáo viên tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến tới học sinh; giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; theo dõi và hỗ trợ học sinh khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học sinh [H1.3-02].

Cho phép học sinh truy cập, khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học sinh khác trong cùng không gian học tập [H1.3-03].

Hệ thống LMS của nhà trường chưa đáp ứng được chức năng cho cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh do chưa cung cấp được tài khoản, hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến hiệu quả giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học sinh hiệu quả.

Hệ thống giúp học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong cùng một không gian học tập; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên.

3. Điểm yếu:

Hệ thống của nhà trường chưa đáp ứng được chức năng cho cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong năm học 2024-2025, nhà trường sẽ tiến hành nâng cấp phần mềm, đề xuất với các nhà cung cấp dịch vụ triển khai chức năng giúp cha mẹ học sinh có thể học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn trực tiếp hoặc thông qua các tài liệu (video...) giúp cha mẹ học sinh có thể thực hiện được các chức năng của hệ thống.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp	5
- Hệ thống đáp ứng GV giao bài cho học sinh tự học;	5
- Hệ thống đáp ứng GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;	4
- Hệ thống đáp ứng Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;	5
- Hệ thống đáp ứng Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	0
Tổng điểm: 19 - Đạt: Mức độ 2	

Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa

Mức độ 1: dưới 4 điểm. Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.

Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm. Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.

Mức độ 3: trên 7 điểm. Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch dạy học trực tuyến và các kế hoạch về triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học và quản trị giáo dục nhà trường của năm học 2023-2024 phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị [H1.4-01].

- Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.4-01].

- Giáo viên nhà trường đã chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc [H1.4-01].

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt [H1.4-02].

- Nhà trường có đường link của học liệu số được sử dụng trong dạy học. Có văn bản phê duyệt học liệu trực tuyến của người đứng đầu cơ sở giáo dục [H1.4-03].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể CB, GV, NV về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị; Có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn giáo viên các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh đảm bảo theo quy định.

- Hầu hết giáo viên trong nhà trường ứng dụng thành thạo CNTT và chuyển đổi số trong dạy học; chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Các học liệu điện tử đều được sử dụng trong quá trình giảng dạy với HS; được lưu trữ trong Drive

của nhà trường; có đường Link cụ thể, được chia sẻ tới toàn bộ CB, GV, NV, rất thuận tiện cho việc lưu trữ, sử dụng, quản lý và kiểm tra.

- Tổng học liệu số có chất lượng được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt trong năm học 2023-2024 là: 45 học liệu.

3. Điểm yếu

- Kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học (kỹ năng khai thác và sử dụng các phần mềm để xây dựng học liệu số...) của một số giáo viên trong nhà trường còn chưa cao, đặc biệt là giáo viên có tuổi.

- Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chất lượng của 1 số học liệu còn sơ sài, chưa phong phú, thu hút, chưa đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến

- Trong năm học 2024-2025 và trong các năm học tiếp theo để đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, nhà trường cần phải đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng CNTT (tốc độ truyền tải của wifi, các thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử trong nhà trường) và đào tạo nhân lực chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp về xây dựng học liệu đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy, học.

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
- Nhiều hơn 40 học liệu	8
Tổng điểm: 8	- Đạt: Mức độ 3

Tiêu chí 1.5: tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

Mức độ 1: dưới 8 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai dưới 30% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai được 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 3: trên 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai trên 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN

- Nhà trường có 02 phòng máy tính với 92 máy tính bàn được kết nối mạng, 02 tivi và đầy đủ các thiết bị đáp ứng cho thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. Ngay từ đầu năm học 2023-2024, nhà trường đã tiến hành bảo dưỡng, kiểm kê cơ sở vật chất, hệ thống mạng Internet phòng học Tin học, đề xuất bổ sung, sửa chữa chuẩn bị cho công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá trên phòng tin học trong năm học.

- Các máy tính cài đặt đầy đủ các phần mềm, trình duyệt Web giúp học sinh truy cập vào hệ thống phần mềm, ứng dụng kiểm tra đánh giá.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch số 242/KH-THCSMKII ngày 4/10/2023 về việc tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá các môn học năm học 2023-2024 trong đó có nội dung tổ chức cho học sinh kiểm tra định kỳ trên phòng máy tính bằng phần mềm Azota đối với môn Tin học [H1.5.01].

1.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường

- Hồ sơ dữ liệu thi thực tế trên hệ thống phần mềm thi, kiểm tra, đánh giá như đường link đề thi, bảng kết quả kiểm tra định kỳ được nộp gửi về nhà trường theo đúng yêu cầu và được cập nhật kết quả thi của học sinh trên phần mềm quản lý trường học SMAS [H1.5.02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường trang bị hệ thống Internet triển khai đến tất cả các phòng học và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản lý, kiểm tra đánh giá.

- Giáo viên từng bộ môn của nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi và biên soạn thành các mã đề được tổ bộ môn và ban giám hiệu thông qua.

- Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, đội ngũ giáo viên môn tin học nhiều. Trong đó: 02 đồng chí có trình độ Đại học Tin; 05 đồng chí có trình độ Cao đẳng Toán - Tin.

- Có đầy đủ hồ sơ quản lý, sử dụng phòng học tin học: Sổ theo dõi sử dụng phòng tin học của giáo viên, tổ chuyên môn được các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

- Phòng tin học thường xuyên được bảo dưỡng định định kì, mua sắm bổ sung các thiết bị, máy tính mới đảm bảo phục vụ tốt cho giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

3. Điểm yếu

- 02 phòng học tin học có 92 máy tính. Tuy nhiên một số máy tính đã cũ bắt

đầu xuống cấp, lỗi thời và không đồng bộ nên việc quản lý phòng tin học gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo, bổ sung trang thiết bị phòng học tin học đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường

- Bộ phận phụ trách CNTT định kỳ rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	14
b) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	3
Tổng điểm: 17 - Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.6: Chuyển đổi số trong dạy, học

Mức độ 1: dưới 8 điểm.

Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm.

Mức độ 3: trên 14 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên

- Giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống: Chương trình bồi dưỡng thường xuyên Etep [H1.6.01]

- Việc sử dụng các tài khoản, ứng dụng này cơ bản đã đem lại hiệu quả tích cực trong công tác và giảng dạy.

1.2. Giấy chứng nhận hoàn thành các khóa học trực tuyến về chương trình BDTX và CDS của giáo viên

- Giáo viên, nhân viên đã hoàn thành khóa học chuyển đổi số: Giảng dạy kỹ năng số và an toàn internet dành cho giáo viên; Làm bạn cùng con trên môi trường số [H1.6.02]

1.3. Kế hoạch tập huấn CNTT, CDS của PGD, nhà trường.

Danh sách học liệu học trực tuyến được phê duyệt

Triển khai việc khai thác các phần mềm, công cụ dạy học nhằm đổi mới PPDH theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các nội dung bồi dưỡng khác của Sở, Phòng và cơ sở giáo dục tổ chức.

- Nhà trường có triển khai giáo viên khai thác các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của Sở, Phòng Giáo dục: <https://quizizz.com>. <https://padlet.com>. <https://azota.vn>,...

- Triển khai các giờ học trực tuyến trên phần mềm Zoom, Google Meet,... Các giáo viên tham gia đầy đủ, có hiệu quả các khóa tập huấn hàng năm theo các công văn của Bộ, tỉnh (Sở), phòng Giáo dục, của nhà trường. [H1.6.03]

2. Điểm mạnh

- Việc triển khai ứng dụng CNTT, sử dụng học liệu số, thiết kế đồ dùng, dụng cụ dạy học, thiết kế bài giảng điện tử đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh các công nghệ thông tin ngày càng phát triển. Các học liệu số cung cấp nhiều lợi ích cho học sinh, giáo viên.

- Học sinh có cơ hội trải nghiệm học tập tương tác, nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Cung cấp cho học sinh nhiều tài liệu đa dạng, từ sách điện tử đến video giảng dạy và trò chơi giáo dục, giúp học sinh có thể học tập theo cách thích hợp nhất.

- Tiết kiệm thời gian và chi phí cho học sinh, giáo viên và học sinh cơ hội tiếp cận với những kiến thức mới nhất và các tiến bộ trong ngành giáo dục.

- Cung cấp thông tin và tài nguyên phong phú cho giáo viên, giúp họ tìm kiếm và sử dụng tài nguyên giáo dục đa dạng, từ đó giảm thiểu thời gian và chi phí tìm kiếm tài nguyên và cải thiện chất lượng giảng dạy.

- Sử dụng các UDCTT, các phần mềm trong đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, giáo viên theo dõi tiến độ và đánh giá khả năng của học sinh đồng thời cung cấp phản hồi và hướng dẫn để học sinh có thể cải thiện kỹ năng của mình.

3. Điểm yếu

- Việc sử dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy nếu không khéo sẽ dẫn đến việc ứng dụng nó không đúng chỗ, không đúng lúc.

- Chính sách, cơ chế quản lý còn chưa hoàn chỉnh, chưa tạo được sự đồng bộ trong thực hiện. Các phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học bằng phương tiện chiếu ti vi, projector, ... khi sử dụng còn hỏng hóc trực trực.

- Việc kết nối và sử dụng Internet đôi lúc còn gián đoạn do tốc độ đường truyền. Do trình độ CNTT không đồng đều, công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ giáo viên còn chưa nhiều nên việc ứng dụng CNTT, CDS đôi khi mất

nhieu thời gian và công sức để sử dụng để phát huy hết hiệu quả của thiết bị mang lại.

4. Kế hoạch cải tiến

- Định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng CNTT việc xây dựng và sử dụng học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử của giáo viên để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả.

- Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ trong việc ứng dụng công nghệ cho toàn thể giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý nhà trường để hoàn thiện mục tiêu thực hiện thành công chuyển đổi số trong giáo dục. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động các nguồn xã hội hoá để hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện.

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Tỉ lệ GV có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng GV trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7
Tỉ lệ GV có thể khai thác sử dụng được phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	7
Tỉ lệ GV có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6
Tổng điểm: 20 - Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

Mức độ 1: dưới 8 điểm.

Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm.

Mức độ 3: trên 14 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

- 100% các phòng học của nhà trường có thiết bị bảng tương tác, tivi thông minh, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet. Nhà trường xây dựng

kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn [H1.7.01].

- Nhà trường có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng internet, thiết bị kết nối không dây, ...Sơ đồ mạng internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload,...) [H1.7.02]; [H1.7.03].

- Phòng học tin học gồm hệ thống máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử. Có đầy đủ Sổ theo dõi sử dụng phòng học bộ môn Tin học [H1.7.04]; [H1.7.05].

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch UD CNTT và CDS trong đó có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng. Cuối năm nhà trường thực hiện Báo cáo tổng kết năm học có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng [H1.7.06]; [H1.7.07].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. *Hệ thống Internet, camera được lắp đặt 100% trên các lớp và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.*

- Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học đạt trình độ từ A trở lên.

- Có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn được các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

3. Điểm yếu

- *Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.*

- *Hệ thống các phòng học bộ môn đã bắt đầu xuống cấp, phòng Tin học máy tính hay hỏng hóc, hệ thống máy tính bảng không còn sử dụng được để phục vụ cho công tác giảng dạy trên lớp.*

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

- Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản

lý giáo dục;

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8
b) Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học	6
c) Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	3
Tổng điểm: 17 - Đạt: Mức độ 3	

Kết luận về nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí	Kết quả đạt				
	Đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Điểm
Tiêu chí 1.1	x				
Tiêu chí 1.2	x				
Tiêu chí 1.3		x	x		19
Tiêu chí 1.4		x	x	x	8
Tiêu chí 1.5		x	x	x	17
Tiêu chí 1.6		x	x	x	20
Tiêu chí 1.7		x	x	x	17
TỔNG ĐIỂM					81

2. Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu:

Trong công tác quản trị nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối với phòng, Sở giáo dục đào tạo; hiện nay nhà trường đã số hóa và định danh dữ liệu giáo viên và học sinh, cơ sở dữ liệu này đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học Smas, sổ điểm điện tử, app Eduone, học bạ điện tử; lưu trữ hồ sơ, sổ sách, duyệt giáo án qua edoc; 100% cán bộ quản lý và một số giáo viên đã được cấp tài khoản chứng thư số. Nhà trường đã

triển khai phần mềm thu không dùng tiền mặt.

Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 320/QĐ-THCSMKII ngày 15/9/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030; Quyết định số 207/QĐ-THCSMKII về việc thành lập Tổ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2023-2024. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận, phân công nhiệm vụ các thành viên được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin của nhà trường. Phân công rõ trách nhiệm lãnh đạo nhà trường phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục [H2.1.01].

2. Điểm mạnh

Việc thành lập Ban Chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong năm học 2023 - 2024 và việc phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nên những cá nhân được phân công đảm bảo năng lực, trình độ giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Các đồng chí được phân công thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đều nhiệt tình trong công tác, có trình độ, năng lực chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Số lượng thiết bị hiện đại của nhà trường (Thiết bị của 15 phòng học thông minh, 2 phòng tin học). Tuy nhiên, không có vị trí nhân viên công nghệ thông tin, việc bố trí phân công các đồng chí giáo viên, nhân viên làm công tác kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ CNTT, làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục tham mưu cho Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND thị xã Đông Triều bổ sung biên chế vị trí nhân viên công nghệ thông tin.

Trong năm học 2024-2025 nhà trường rà soát, ra quyết định kiện toàn phân công Tổ CNTT và CDS đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 297/KH-THCSMKII ngày 13/11/2023 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2023-2024. Kế hoạch xây dựng bám sát các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục, của UBND thị xã và căn cứ theo tình hình thực tế của nhà trường [H2.2.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã quán triệt chỉ đạo của các cấp về việc triển khai thực hiện công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Kế hoạch đã được nhà trường triển khai trong cuộc họp toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và đăng tải công khai trên cổng thông tin của nhà trường <http://thcsmaokhe2.dongtrieu.edu.vn>.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có năng lực, đam mê với việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm. 100% CB-GV-NV đều có trình độ Tin học (trong đó có 03 giáo viên trình độ Đại học CNTT, 09 giáo viên có trình độ Cao đẳng, còn lại là chứng chỉ trình độ B).

Cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy, sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học, phần mềm quản lý thi và phần mềm quản lý chất lượng.

Các hoạt động trong nhà trường đều được triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số: quản lý thông tin học sinh (hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ giáo viên.

Nhà trường đã thực hiện hệ thống quản lý hồ sơ điện tử Edoc, <http://edoc.smas.edu.vn>, cán bộ giáo viên đều có tài khoản để thực hiện số hóa các văn bản ban hành trong nhà trường. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học và phòng học bộ môn, phòng học thông minh. CBGVNV trong trường đã tham gia học và được cấp chứng chỉ khóa học giảng dạy kỹ năng số và an toàn internet dành cho giáo viên

Nhà trường đã thực hiện sổ điểm học bạ điện tử, gửi và duyệt giáo án trực tuyến.

Đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản thu học phí, BHYT và các khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê kịp thời theo chỉ đạo của ngành.

3. Điểm yếu

Trong kế hoạch chưa xây dựng nội dung phân công trách nhiệm tổ chuyên môn, lãnh đạo nhà trường phê duyệt học liệu số của giáo viên.

Số chỉ tiêu tiết dạy trực tuyến của nhà trường đề ra khá cao, khó hoàn thành kế hoạch trong năm học.

4. Kế hoạch cải tiến

- Trong năm 2024 nhà trường tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đăng ký triển khai thực hiện tuyển sinh trực tuyến qua địa chỉ: <http://quangninh.tsd.edu.vn/dangkyhosotuyensinh>.

- Tiếp tục rà soát các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch, kịp thời điều chỉnh để đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

Mức độ 1: dưới 20 điểm.

Mức độ 2: từ 20 -50 điểm.

Mức độ 3: trên 50 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (SMAS); được sử dụng từ năm học 2023 Nhà trường đã ra Quyết định số: 266/QĐ-THCS, ngày 23/10/2023 của hiệu trưởng trường THCS Mạo Khê II. Quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử của trường THCS Mạo Khê II năm học 2023 - 2024, có 4 Chương và 8 Điều, quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tập thể cá nhân trong công tác sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử [H2.3.01].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học có phân hệ quản lý học sinh, được cấp quyền cho giáo viên chủ nhiệm từng lớp, có trách nhiệm cập nhật thông tin vào đầu năm học (đối với lớp 6) và thực hiện đối với tất cả các khối lớp trong suốt quá trình học tập tại nhà trường, bao gồm các thông tin chung, thông tin cá nhân và thông tin về gia đình của học sinh [H2.3.02].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, nhà trường cấp quyền sử dụng cho giáo viên giảng dạy các bộ môn trong nhà trường, có trách nhiệm cập nhật điểm kiểm tra giữa các kỳ và cuối kỳ đảm bảo tính chính xác đúng quy định của ngành, về tiến độ được chuyên môn nhà trường kiểm tra, giám sát thường xuyên để đôn đốc nhắc nhở kịp thời. Đối với học bạ được tự động cập nhật trực tuyến, việc thực hiện in, ký đóng dấu của nhà trường để lưu trữ hàng năm vào cuối năm

học hoặc học sinh chuyển trường, chuyển cấp học đúng theo quy định [H2.3.02].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS, có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trong nhà trường (bao gồm cả GVHD); phần mềm cập nhật thông tin cá nhân CBGVNV được cấp quyền và quản trị cập nhật hàng năm về lý lịch, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, đảng, đoàn, diễn biến lương, phụ cấp thâm niên nghề [H2.3.02].

Phần mềm Misa có phân hệ quản lý cơ sở vật chất được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, có nhiệm vụ cập nhật thông tin hàng năm về CSVS, tài sản của nhà trường hoặc khi có biến động về tài sản trong nhà trường [H2.3.02].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS, có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh, đối với nội dung này quản trị nhà trường cấp quyền cho nhân viên y tế, có trách nhiệm cập nhật thông tin sức khỏe học sinh đầu năm khi có kết quả khám sức khỏe đầu năm cho học sinh. Nội dung khám được nhà trường ký kết hợp đồng với trạm y tế hàng năm [H2.3.02].

Phần mềm Misa có phân hệ quản lý kế toán được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, và được phân quyền quản trị của Hiệu trưởng riêng biệt, được sử dụng trong việc chi trả lương, thâm niên nghề cho CBGVNV, thanh toán các loại hình dịch vụ, thuê mướn [H2.3.01].

Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) [H2.3.01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai tốt các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, khả năng sử dụng phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. CBQL, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm trực tuyến, thuận tiện cho công tác quản lý trong nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử, thành lập tổ quản trị để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh, an toàn.

3. Điểm yếu:

Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn

chậm so với quy định; cập nhật thông tin học sinh còn thiếu.

Việc sử dụng các tính năng trong các phân hệ được cấp còn hạn chế, hoặc chưa thực hiện (Quản lý Y tế, CSVN chưa cập nhật kịp thời).

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong những năm học tiếp theo tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng quản lý và sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đã mở đảm bảo đúng quy định, an toàn; tiếp tục nghiên cứu và mở thêm các phân hệ khác và khai thác một số hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý trong nhà trường.

Quản trị trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.

Phân khai nguồn tài chính để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường - SMAS Phần mềm quản lý trường học.	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh)	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV)	8
Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)	10
Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)	8

Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành https://truong.csdn.moet.gov.vn	8
Tổng điểm: 70 - Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

Mức độ 1: dưới 10 điểm.

Mức độ 2: từ 10 -18 điểm.

Mức độ 3: trên 18 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và hợp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng BIDV. Ứng dụng được triển khai BIDV SmartBanking, áp dụng đối với dịch vụ học phí, tỉ lệ 100% học sinh tham gia [H2.4.03]; [H2.4.04];

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt còn gặp khó khăn với một bộ phận nhỏ phụ huynh học sinh do phụ huynh chưa sử dụng các ứng dụng của Ngân hàng trên điện thoại.

4. Kế hoạch cải tiến:

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trang bị phương tiện hiện đại đáp ứng điều kiện cần thiết sử dụng các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Nhà trường phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
a) Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	6
b) Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	10
c) Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình	8

thức không dùng tiền mặt	
Tổng điểm: 24 - Đạt: Mức độ 3	

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Tiêu chí	Kết quả đạt				
	Đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Điểm
Tiêu chí 2.1	x				
Tiêu chí 2.2	x				
Tiêu chí 2.3		x	x	x	70
Tiêu chí 2.4		x	x	x	24
TỔNG ĐIỂM					94

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Quá trình tự đánh giá của trường THCS Mạo Khê II được thực hiện nghiêm túc, khách quan, được đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường được hoàn thành là thành quả của quá trình lao động sáng tạo, là một công trình khoa học, là sự tập trung trí tuệ cao nhất, sự đồng lòng hợp sức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cùng quyết tâm vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

Căn cứ bộ Tiêu chuẩn đánh giá chuyển đổi số và quy trình ban hành kèm theo Quyết định 4725//QĐ-BGDĐT năm 2022 về Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Hội đồng tự đánh giá trường THCS Mạo Khê II đã đánh giá đủ 02 nhóm tiêu chí. Trường THCS Mạo Khê II tự đánh giá công tác chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

Tiêu chí	Kết quả đạt				
	Đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Điểm
Nhóm tiêu chí: CDS trong dạy và học					
Tiêu chí 1.1	x				
Tiêu chí 1.2	x				

Tiêu chí 1.3		x	x		19
Tiêu chí 1.4		x	x	x	8
Tiêu chí 1.5		x	x	x	17
Tiêu chí 1.6		x	x	x	20
Tiêu chí 1.7		x	x	x	17
TỔNG ĐIỂM					81
Nhóm tiêu chí: CDS trong quản trị cơ sở giáo dục					
Tiêu chí 2.1	x				
Tiêu chí 2.2	x				
Tiêu chí 2.3		x	x	x	70
Tiêu chí 2.4		x	x	x	24
TỔNG ĐIỂM					94

- Mức đánh giá của trường THCS Mạo Khê II: Mức độ 3

Mạo Khê, ngày 25 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
MẠO KHÊ II

Trần Thị Ánh Tuyết